TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2026
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Doanh.

2. Ông Nguyễn Phương Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường B, tỉnh Khánh Hòa (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu N tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau, hai bên gia đình không tổ chức cưới hỏi, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) vào năm 2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở tổ dân phố A, phường P, tỉnh Khánh Hòa, đây là chỗ ở và nơi bà thuê để sinh sống và buôn bán cà phê, đồ ăn sáng.

Quá trình chung sống vợ chồng bà không có hạnh phúc lý do ông N nhiều lần ghen tuông, nhậu say sỉn, chửi bới, xúc phạm, dùng lời lẽ thô tục để nhục mạ bà, có lần ông N còn tát và bóp cổ bà. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng sau nhiều lần mâu thuẫn lặp đi lặp lại, bà không chịu đựng được nữa nên có đi về nhà anh chị bà ở chợ

T (cũ) sống một thời gian. Từ tháng 01/2026 cho đến nay bà và ông N không còn sống chung. Nay do mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không còn sống chung, không còn yêu thương chăm sóc nhau, bà không còn tình cảm với ông N, nếu tiếp tục sống với ông N thì bà không đảm bảo được sự an toàn đối với thân thể và tinh thần nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu N: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông N nhưng ông vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Cao Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hữu N. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn"; Bị đơn ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết là BLTTDS).

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông N nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày

27/9/2024 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày: Quá trình chung sống bà và ông N không có hạnh phúc lý do ông N nhiều lần ghen tuông, nhậu say sỉn thì chửi bới, xúc phạm, dùng lời lẽ thô tục để nhục mạ bà. Từ tháng 01/2026 đến nay, bà và ông N không còn sống chung, không gặp gỡ, không ai quan tâm hỏi han nhau.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông N có xảy ra mâu thuẫn dẫn tới từ 01/2026 cho đến nay ông, bà không còn sống chung. Đối với ông N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông N không đến Tòa án để làm việc, có thái độ bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông N không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Cao Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

2. Về án phí: Bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002454 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 - Khánh Hòa;
- UBND phường Đông Hải, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 39, ngày 27/9/2024);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Diệu